TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **33**/2022/QĐST – HNGĐ	*Phú Thọ, ngày 15 tháng 7 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Thu Huyền;

Thư ký phiên họp: Bà Hoàng Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên họp*:* Bà Trương Thị Kim Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 79/2022/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con". Theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 50/2022/QĐ-MPH ngày 05 tháng 7 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh B, sinh năm 1975; Nơi cư trú: 516 Suyu – dong, Gangbuk – gu, Seoul, Hàn Quốc; Nơi ở hiện tại: Phòng 302, tầng 3, lô 84, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

- Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1998; ĐKHKTT: Thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Hiện đang làm việc tại: Công ty TNHH tư vấn và dịch vụ HC; địa chỉ: Đội 9, khu H, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

(Các đương sự đều có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và các bản tự khai anh B và chị Lê Thị Thu H trình bày: Anh B và chị Lê Thị Thu H đăng ký kết hôn ngày 21/01/2020 tại UBND huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu , đăng kí kết hôn tự nguyện , không bị ai ép buộc . Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống xa nhau thời gian dài nên không có điều kiện để quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng đã chủ động nói chuyện để hàn gắn nhưng không có kết quả. Hiện nay anh B và chị Lê Thị Thu H đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh B và chị Lê Thị Thu H đều thống nhất xác định vợ chồng có 01 con chung là BAE Thảo M, sinh ngày 19/5/2020. Khi ly hôn anh B và chị Lê Thị Thu H thống nhất chị Lê Thị Thu H sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu BAE Thảo M. Vấn đề cấp dưỡng anh B và chị Lê Thị Thu H thống nhất tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh B và chị Lê Thị Thu H xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Lê Thị Thu H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Anh B và chị Lê Thị Thu H đều thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ là nơi giải quyết ly hôn và yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, giải quyết vắng mặt.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa anh B và chị Lê Thị Thu H. Về con chung: Giao con chung là cháu BAE Thảo M, sinh ngày 19/5/2020 cho chị Lê Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng anh B và chị Lê Thị Thu H thống nhất tự thỏa thuận nên không đặt ra giải quyết. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Lê Thị Thu H chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, căn cứ đơn và lời khai của các đương sự và ý kiến đại diện Viện Kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ nhận định:

Quan hệ hôn nhân giữa anh Bvà chị Lê Thị Thu H là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Qúa trình chung sống do vợ chồng không có tiếng nói chung nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Bvà chị Lê Thị Thu H đều thuận tình ly hôn. Do vậy việc anh B và chị Lê Thị Thu H thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, được chấp nhận.

Giấy chứng nhận kết hôn và hộ chiếu công dân của anh B xác định anh là công dân Hàn Quốc, hiện đang cư trú tại tỉnh Bắc Ninh; chị Lê Thị Thu H hiện đang làm việc tại: Công ty TNHH tư vấn và dịch vụ HC; địa chỉ: Đội 9, khu H, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Anh Bvà chị Lê Thị Thu H đều thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ là nơi giải quyết ly hôn. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" và giải quyết, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền.

Anh B có đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt và đều được chứng thực ngày 15/4/2022 tại Văn phòng Công chứng A7; địa chỉ: Số 28 Ngô Miễn Thiệu, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Từ đó đủ cơ sở khẳng định việc anh B thuận tình ly hôn với chị Lê Thị Thu H là hoàn toàn tự nguyện.

Về con chung: Anh B và chị Lê Thị Thu H đều thống nhất xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu BAE Thảo M, sinh ngày 19/5/2020 (Quốc tịch Việt

Nam). Khi ly hôn anh B và chị Lê Thị Thu H thống nhất chị Hg sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu BAE Thảo M đến khi cháu thành niên. Vấn đề cấp dưỡng anh B và chị Lê Thị Thu H thống nhất tự thỏa thuận nên không đặt ra giải quyết. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con chung, tự thỏa thuận về mức cấp dưỡng của anh B và chị Lê Thị Thu H phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận. Không ai được cản trở quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh B và chị Lê Thị Thu H xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Việc tự nguyện nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự của chị Lê Thị Thu H là phù hợp với quy định của pháp luật được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 149, Điều 361, Điều 362, Điều 365, Điều 366, Điều 367, 369, Điều 370, Điều 371, Điều 397 và Điều 469 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh B và chị Lê Thị Thu H.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh B và chị Lê Thị Thu H: Giao cháu BAE Thảo M, sinh ngày 19/5/2020 (Quốc tịch Việt Nam) cho chị Lê Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên. Vấn đề cấp dưỡng anh B và chị Lê Thị Thu H thống nhất tự thỏa thuận nên không đặt ra giải quyết.

Không ai được cản trở quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh B và chị Lê Thị Thu H xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Công nhận chị Lê Thị Thu H tự nguyện nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số AA/2020/0000208 ngày 08/6/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND H. Bình Sơn, T. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Thị Thu Huyền